

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 221/DS-PT

Ngày 10-11-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang

Bà Dương thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/TLPT-DS ngày 04-10-2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Kim N, sinh năm 1962; cư trú tại: ấp H, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm, 1985; cư trú tại: ấp PH2, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị T, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp H, xã, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn – Bà Võ Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn, bà Đỗ Kim N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Hoàng L trình bày:*

Bà và bà T có quen biết nhau. Bà cho bà T vay tiền 03 lần, mỗi lần vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay bà T hứa trả ngay nên hai bên không viết giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Do bà T không trả tiền nợ gốc và lãi nên ngày 13-12-2017 (âm lịch) chốt nợ, bà T có viết giấy nợ với số tiền 30.000.000 đồng và ký tên. Khi chốt nợ bà T nói để làm việc này làm việc khác để có tiền trả cho bà, sau đó bà T nói bán đất để trả cho bà nhưng cho đến nay bà đòi nhiều lần bà T vẫn không trả tiền gốc, tiền lãi cho bà. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi theo quy định pháp luật, tính từ ngày chốt nợ 13-12-2017 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

- *Bị đơn, bà Võ Thị T trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 13-12-2017 (âm lịch), bà có viết giấy nợ và ký tên. Lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/ngày/triệu; bà vay để trả nợ cho người khác, thỏa thuận thời hạn trả khoảng 5 – 10 ngày vì vậy tiền lãi tính theo lãi ngày. Bà có tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo, hụi 2.000.000 đồng/tháng, bà không nhớ ngày tháng nhưng vào năm 2017, gồm có 22 phần, bà tham gia 02 phần bà hốt hụi kỳ thứ mấy không nhớ, được hơn 32.000.000 đồng, bà N không đăng hụi cho bà mà trừ qua khoản nợ 30.000.000 đồng bà nợ bà N, trừ luôn tiền lãi bà phải trả cho bà N tổng cộng là 33.150.000 đồng (30.000.000 đồng tiền gốc và 3.150.000 đồng tiền lãi/21 ngày), bà còn nợ bà N hơn 1.000.000 đồng tiền lãi. Khi bà N khấu trừ tiền hụi bà hốt vào số nợ bà vay thì bà không lấy lại giấy nợ. Ngoài ra, bà có vay của bà N số tiền 10.000.000 đồng, vay trả góp, không làm giấy nợ, bà đã góp được số tiền 2.700.000 đồng, khi bà ngưng góp tiền cho bà N thì bà N yêu cầu bà phải trả tiền lãi 7.300.000 đồng, bà không đồng ý nên hai bên mới xảy ra mâu thuẫn, bà N lấy giấy nợ cũ ra kiện bà. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà chỉ nợ bà N số tiền 10.000.000 đồng, đã trả góp 2.700.000 đồng, còn nợ

lại 7.300.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà N số tiền 7.300.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim N đối với bà Võ Thị T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Kim N số tiền 37.627.700 (ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 7.627.700 (bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng.

Ngoài ra bản án quyết định về án phí; lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, bà T có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T:

[2.1] Việc bà T có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng là có thật, được thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 13-12-2017 (âm lịch) và các bên đương sự đều thừa nhận. Bà T cho rằng năm 2017, bà T có tham gia góp hụi 2.000.000 đồng/ tháng do bà N làm chủ thảo, bà T lĩnh hụi để cản trừ số tiền 30.000.000 đồng bà T vay của bà N, bà T đã trả xong khoản tiền vay là 30.000.000 đồng cho bà N nên bà T không đồng ý yêu cầu của bà N nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh. Mặc khác, bà N có cung cấp giấy lĩnh hụi do bà N đăng cho bà T vào tháng 7-2016, tháng 12-2016 và tháng 3-2017 và giấy vay tiền ngày 13-12-2017, bà T xác nhận chữ viết và ký trong các giấy hót hụi và giấy vay tiền là do bà T viết và ký nhưng giấy lĩnh hụi có trước ngày vay tiền nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi: Trong giấy vay tiền đề ngày 13-12-2017 không có ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả nhưng bà N trình bày lãi suất bà N cho bà T vay là 4%/tháng. Bà T trình bày lãi suất bà T vay của bà N là 5.000đ/ngày/1.000.000đồng. Do bà T và bà N trình bày không thống nhất về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương đương 10%/năm (0,83%/tháng) nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

[2.3] Bà N chưa nhận khoản tiền lãi nào của bà T, bà T không có chứng cứ chứng minh bà T đã trả lãi cho bà N nên cấp sơ thẩm buộc bà T trả lãi cho bà N từ ngày 13-12-2017 cho đến khi xét xử là có căn cứ.

[3] Từ các nhận định và phân tích trên nên chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được

chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị T

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim N đối với bà Võ Thị T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà Võ Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Kim N số tiền 30.747.000 (*ba mươi triệu bảy bốn mươi bảy nghìn*) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng và tiền lãi là 747.000 (*bảy trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu 1.537.350 đồng.

Bà N không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà N 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004559 ngày 25-5-2020.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí. Bà T đã nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 004982 ngày 24-8-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự

phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung